

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Phước Bình,
xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 02/TTr-SXD ngày 05 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Phước Bình, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới: Xác định theo Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chấp thuận chủ trương cho đầu tư dự án xây dựng kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Phước Bình tại xã Phước Bình, huyện Long Thành kèm theo Trích lục và đo chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất số 9360/2017 tỷ lệ 1/2.000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành thực hiện ngày 20 tháng 7 năm 2017, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký kiểm tra ngày 20 tháng 7 năm 2017. Ranh giới lập quy hoạch được xác định cụ thể như sau:

- Phía Đông : Giáp quy hoạch đường giao thông và Khu dân cư.
- Phía Tây : Giáp quy hoạch Khu dân cư.
- Phía Nam : Giáp quy hoạch Khu dân cư.
- Phía Bắc : Giáp quy hoạch khu công nghiệp.

b) Quy mô lập quy hoạch

- Diện tích lập quy hoạch: 749.912 m².
- Tổng số lao động dự kiến: 5.500 - 6.000 công nhân.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

2. Mục tiêu, tính chất

a) Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Cụm công nghiệp Phước Bình được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2013 và Quyết định chủ trương đầu tư số 1829/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019.

- Quy hoạch hợp lý các khu chức năng, cơ cấu sử dụng đất, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan Cụm công nghiệp. Phân chia hợp lý các lô đất xí nghiệp công nghiệp, cây xanh, đầu mối hạ tầng kỹ thuật,...

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch, lập dự án đầu tư, triển khai đầu tư xây dựng các hạng mục hoàn chỉnh, đồng bộ theo quy định.

b) Tính chất

- Là Cụm công nghiệp đa ngành nghề, ưu tiên bố trí các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm môi trường và phục vụ di dời các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng không phù hợp với quy hoạch trên địa bàn huyện Long Thành; các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng, phụ kiện thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ và một số dịch vụ hỗ trợ liên quan nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp địa phương.

- Trong đó: 40% diện tích đất sản xuất trong Cụm công nghiệp bố trí cho mục đích sản xuất vật liệu xây dựng; 60% diện tích bố trí đa ngành nghề theo Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Cụm công nghiệp Phước Bình, xã Phước Bình,

huyện Long Thành.

3. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

- Căn cứ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch
I	Tổng diện tích lập quy hoạch	m ²	749.912
II	Tiêu chuẩn về quy hoạch kiến trúc		
1	Chỉ tiêu sử dụng đất		
	Đất xí nghiệp công nghiệp	%	≥ 70
	Đất điều hành, dịch vụ	%	≥ 01
	Đất hạ tầng kỹ thuật	%	≥ 01
	Đất cây xanh	%	≥ 10
	Đất giao thông	%	≥ 10
2	Mật độ xây dựng		
	Khu xí nghiệp công nghiệp	%	≤ 70
	Khu điều hành, dịch vụ	%	≤ 40
	Khu hạ tầng kỹ thuật	%	≤ 40
	Khu cây xanh	%	≤ 05
3	Tầng cao xây dựng		
	Khu xí nghiệp công nghiệp	Tầng	01 ÷ 02; chiều cao công trình tùy theo tính chất, loại hình sản xuất công nghiệp
	Khu điều hành, dịch vụ	Tầng	01 ÷ 03
	Khu hạ tầng kỹ thuật	Tầng	01 ÷ 02
	Khu cây xanh	Tầng	01
III	Tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật		
1	Tiêu chuẩn cấp điện		
	Khu xí nghiệp công nghiệp	KW/ha	250
	Khu điều hành, dịch vụ	W/m ² sàn	40
	Khu hạ tầng kỹ thuật	KW/ha	200
	Chiếu sáng	KW/ha	10
2	Tiêu chuẩn cấp nước		
	Khu xí nghiệp công nghiệp	m ³ /ha/ngày.đêm	40
	Khu điều hành, dịch vụ	Lít/m ² sàn/ngày.đêm	05
	Khu hạ tầng kỹ thuật	% Khu xí nghiệp công nghiệp	08

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch
	Tưới cây, rửa đường	% Khu xí nghiệp công nghiệp	08
3	Tiêu chuẩn thoát nước		
	Nước thải sản xuất	% nước cấp	100

4. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng, tổ chức kiến trúc cảnh quan

a) Quy hoạch sử dụng đất

Stt	Loại Đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất điều hành dịch vụ	ĐH	7.548,4	1,01
II	Đất xí nghiệp công nghiệp		551.331,5	73,52
1	Đất công nghiệp hiện hữu	A1; A2; C1	170.260,6	
2	Đất công nghiệp mới	A3; B; C2; D	381.070,9	
III	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật		12.357,6	1,65
1	Trạm XLNT và trung chuyển chất thải rắn	ĐM-1	5.684,0	
2	Trạm cấp nước	ĐM-2	3.295,8	
3	Trạm PCCC	ĐM-3	3.377,8	
IV	Đất cây xanh		85.627,2	11,42
1	Cây xanh 1	CX-1	13.738,4	
2	Cây xanh 2	CX-2	1.643,0	
3	Cây xanh 3	CX-3	35.269,3	
4	Cây xanh 4	CX-4	21.388,9	
5	Cây xanh 5	CX-5	13.587,6	
V	Đất giao thông		93.047,3	12,40
	Tổng cộng		749.912,0	100,00

b) Phân khu chức năng

- Đất xí nghiệp công nghiệp: Diện tích 551.331,5 m², mật độ xây dựng tối đa 70%. Tầng cao và chiều cao xây dựng tùy thuộc vào đặc thù ngành nghề sản xuất, để đồng bộ về không gian cảnh quan tổng thể toàn khu, khống chế tầng cao 01 - 02 tầng trong Cụm công nghiệp.

- Đất điều hành dịch vụ: Diện tích 7.548,4 m², tầng cao xây dựng 01 - 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%, bố trí trên đường trục chính dẫn vào Cụm công nghiệp, tổ chức các công trình nhà làm việc, văn phòng, dịch vụ thương mại,...

- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Diện tích 12.357,6 m², tầng cao 01 - 02 tầng, bố trí trạm xử lý nước thải và trung chuyển chất thải rắn, trạm cấp nước, trạm PCCC.

- Đất cây xanh: Diện tích 85.627,2 m², bao gồm: Cây xanh công viên tập trung bố trí tại khu vực trung tâm gần với khu điều hành dịch vụ và cây xanh

cách ly xung quanh Cụm công nghiệp.

- Đất giao thông: Diện tích 93.047,3 m², mặt đường giao thông nội bộ có chiều rộng tối thiểu 8m, vỉa hè với chiều rộng từ 3m đến 5m, đảm bảo giao thông và bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho toàn Cụm công nghiệp.

c) Chỉ tiêu kỹ thuật cho từng lô đất:

Stt	Loại Đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao
I	Đất điều hành dịch vụ	ĐH	7.548,4	≤ 40	01 - 03
II	Đất xí nghiệp công nghiệp		551.331,5	≤ 70	01 - 02
1	Đất công nghiệp hiện hữu	A1; A2; C1	170.260,6	≤ 70	01 - 02
2	Đất công nghiệp mới	A3; B; C2; D	381.070,9	≤ 70	01 - 02
III	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật		12.357,6	≤ 40	01 - 02
1	Trạm XLNT và trung chuyển chất thải rắn	ĐM-1	5.684,0	≤ 40	01 - 02
2	Trạm cấp nước	ĐM-2	3.295,8	≤ 40	01 - 02
3	Trạm PCCC	ĐM-3	3.377,8	≤ 40	01 - 02
IV	Đất cây xanh		85.627,2	≤ 05	01
1	Cây xanh 1	CX-1	13.738,4	≤ 05	01
2	Cây xanh 2	CX-2	1.643,0	≤ 05	01
3	Cây xanh 3	CX-3	35.269,3	≤ 05	01
4	Cây xanh 4	CX-4	21.388,9	≤ 05	01
5	Cây xanh 5	CX-5	13.587,6	≤ 05	01
V	Đất giao thông		93.047,3		
	Tổng cộng		749.912,0		

d) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Không gian kiến trúc được tổ chức trên cơ sở tôn trọng hình thái, phương thức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Không phá vỡ địa hình và các điều kiện thiên nhiên sẵn có. Đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật (*Giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, ...*) với các khu vực xung quanh.

- Hệ thống mặt bằng không gian mở chủ yếu bố trí nhằm tận dụng được nét đặc trưng của khu vực như hình thành các mảng xanh lớn, tạo không gian môi trường xanh, thoáng mát cho khu vực, đồng thời tạo nên một Cụm công nghiệp đặc trưng.

- Tổ chức mạng lưới đường giao thông theo dạng ô cờ, kết hợp bố cục các khu công trình, tạo sự mạch lạc, nối kết để không gian kiến trúc là một thể thống nhất hợp lý về các chức năng lẫn quan điểm thẩm mỹ và thuận tiện về sản xuất kinh doanh.

5. Quy định về kiến trúc - xây dựng

a) Công trình công nghiệp

- Mật độ xây dựng của lô đất xí nghiệp công nghiệp tối đa 70% (*Trương tầng cao xây dựng < 05 tầng*).

- Tầng cao xây dựng: Tùy thuộc vào nhu cầu, đặc thù ngành nghề sản xuất của nhà đầu tư, để đồng bộ về không gian cảnh quan tổng thể toàn khu, thống nhất việc khống chế tầng cao từ 01 đến 02 tầng trong Cụm công nghiệp.

- Tỷ lệ đất trồng cây xanh trong lô đất xây dựng nhà máy tối thiểu 20% trên tổng diện tích lô đất.

- Khoảng lùi xây dựng: Chỉ giới xây dựng đối với phần tường rào tiếp giáp các đường giao thông tối thiểu 6m, đối với phần tường rào tiếp giáp giữa 02 lô đất tối thiểu 9m, đối với các phần tường rào còn lại tối thiểu 6m.

b) Công trình trung tâm dịch vụ

- Mật độ xây dựng tối đa 40%.

- Khoảng lùi xây dựng: Chỉ giới xây dựng cách tường rào lô đất (*Tất cả các phía*) tối thiểu 6m để đảm bảo yêu cầu phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Diện tích cây xanh trong khuôn viên tối thiểu 20%.

- Tầng cao xây dựng từ 01 đến 03 tầng.

c) Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao 01 đến 02 tầng.

d) Cây xanh, cảnh quan: Mật độ xây dựng tối đa 05%, tầng cao 01 tầng.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại: Hệ thống giao thông của Cụm công nghiệp đấu nối với các tuyến đường trục chính của khu vực và khu vực là đường kết nối Khu công nghiệp Phước Bình phía Đông và đường Liên Tỉnh phía Nam. Các tuyến giao thông đối ngoại tuân thủ theo hướng tuyến và lộ giới quy hoạch của ngành giao thông vận tải. Trong quá trình triển khai thực hiện, chủ đầu tư liên hệ Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, các Sở, ngành liên quan để thỏa thuận về phương án đấu nối Cụm công nghiệp vào các tuyến giao thông đối ngoại theo quy định.

- Giao thông nội bộ Cụm công nghiệp: Quy hoạch chủ yếu theo dạng ô cờ phân chia các khu chức năng trong khu công nghiệp, có lộ giới từ 16m đến 24m.

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Mặt cắt ngang đường (m)				
				Via hè	Mặt đường	Dãy phân cách	Mặt đường	Via hè
1	Đường N1 (MC 6-6)	941	16	3	4	0	4	5
2	Đường N2 (MC 2-2)	979	18	5	4	0	4	5
3	Đường N3 (MC 4-4)	968	16	5	4	0	4	3
4	Đường D1 (MC 3-3)	685	16	5	4	0	4	3
5	Đường D2 (MC 1-1)	741	24	5	7	0	7	5
6	Đường D3 (MC 2-2)	278	18	5	4	0	4	5
7	Đường D4 (MC 5-5)	683	16	5	4	0	4	3
8	Đường D5 (MC 7-7)	52	16	4	4	0	4	4

b) Quy hoạch san nền và thoát nước mưa

- Giải pháp san nền: Hướng dốc nền cơ bản bám theo địa hình tự nhiên, đảm bảo khối lượng san lấp là ít nhất. Cao độ san nền trong khu quy hoạch được thiết kế cao nhất là 35,0 m về phía Đông và thấp nhất là 29,0 m về phía Tây Bắc, độ dốc trung bình từ 0,20% đến 1,50%.

- Quy hoạch thoát nước mưa: Được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Sử dụng hệ thống cống đặt dọc theo các tuyến đường. Hướng thoát nước chính được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, khai thác tối đa độ dốc địa hình. Hệ thống thoát nước mưa được thu gom thông qua các hố ga bố trí dọc theo tuyến, sau đó nước mưa được thoát ra ngoài khu quy hoạch thông qua hệ thống cống dẫn ra khu vực suối Cầu Vạc cách dự án khoảng 800m về phía Bắc.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nguồn cung cấp nước: Được lấy từ tuyến ống cấp nước D450 từ xã Bàu Cạn về tới Khu công nghiệp Gò Dầu thuộc phân vùng cấp nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới.

- Tổng nhu cầu dùng nước 3.000 m³/ngày.đêm.

- Quy hoạch mạng lưới cấp nước: Mạng lưới cấp nước được tổ chức theo sơ đồ mạng vòng khép kín đảm bảo khả năng cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt và chữa cháy. Bố trí các trụ lấy nước chữa cháy phù hợp theo các quy định chuyên ngành.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành cấp nước để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và thu gom chất thải rắn

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

+ Được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ hệ thống nước thải sinh hoạt, sản xuất trong các công trình, nhà máy phải được xử lý cục bộ tại các nhà máy sau đó được thu gom bằng hệ thống cống kín đặt dọc theo vỉa hè dẫn về trạm xử lý có công suất 2.500m³/ngày.đêm đặt tại khu vực phía Tây Bắc của Cụm công nghiệp. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành mới được xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành thoát nước để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Vệ sinh môi trường:

+ Đối với rác thải sinh hoạt: Trang bị các thùng nhựa có nắp đậy để thu gom rác thải sinh hoạt, phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định.

+ Đối với các loại rác thải nguy hại: Các nhà máy trong Cụm công nghiệp thực hiện quản lý chất thải rắn phát sinh tại từng nhà máy theo đúng các quy định hiện hành về môi trường.



đ) Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Tổng công suất tiêu thụ trong Cụm công nghiệp 14.312 KVA.
- Nguồn điện: Lưới điện trung thế 22KV hiện hữu trên tuyến đường Liên Tỉnh nằm về phía Nam Cụm công nghiệp được lấy từ tuyến 479 trạm biến áp trung gian 110KV Gò Dầu.
- Bố trí 3 trạm biến áp trong Cụm công nghiệp. Các tuyến trung thế, hạ thế được xây dựng dọc theo các tuyến trục giao thông để dẫn đến các nhà máy và chiếu sáng.
- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành cấp điện để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

e) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Nguồn đầu nối: Hệ thống thông tin viễn thông cho dự án sẽ được ghép nối vào hệ thống viễn thông của khu vực trên trục đường Liên Tỉnh nằm về phía Nam của Cụm công nghiệp.
- Xây dựng 01 trạm thu phát sóng (BTS) diện tích đất sử dụng 100m² cho mỗi trạm.
- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành bưu chính viễn thông để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

g) Đánh giá môi trường chiến lược

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn thải công nghiệp. Trên cơ sở đánh giá tác động môi trường, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức các biện pháp khống chế ô nhiễm môi trường: không khí, nguồn nước, tiếng ồn,... trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng và đưa dự án vào hoạt động.

7. Các công trình ưu tiên đầu tư

Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, khung giao thông, khu công viên cây xanh, dịch vụ điều hành khu nhà máy sản xuất.

8. Quy định quản lý theo đồ án: Ban hành quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Phước Bình tại xã Phước Bình, huyện Long Thành.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Công ty TNHH PAK Việt Nam phối hợp cùng Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ủy ban nhân dân xã Phước Bình thực hiện:

1. Công bố công khai cho Nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.
2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cấm mốc giới theo quy định. Tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch

ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cấm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Bình; Giám đốc Công ty TNHH PAK Việt Nam; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Chánh, Phó Chánh Văn phòng (KTN);
 - Lưu: VT, KTN, Tan.
- <F:\2022\Long Thành\QHCT\>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng